

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2020/DS-ST

Ngày: 20 - 8 - 2020

“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Lê Thị Chí

Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*1/Nguyên đơn:* Bà Lâm Lệ P, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường N, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lưu Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 21/5/2020). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Vĩ C - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*2/Bị đơn:*

*2.1* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 27 đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 27 đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số công chứng 23334, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2019).

2.2 Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 27 đường T, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2019, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/8/2019, ngày 26/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Lệ P, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị H và bà Nguyễn Thanh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trần Vĩ C cùng trình bày:*

Giữa bà Lâm Lệ P và bà Nguyễn Thị A, bà Đỗ Thị Thanh T là chỗ quen biết nhau. Vì cần tiền nên bà A và bà T có hỏi vay bà P nhiều lần, tổng số tiền vay là 760.000.000 (bảy trăm sáu mươi triệu) đồng, khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn trả nợ. Cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2016 bà A vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, theo Hợp đồng vay tiền không lãi suất và không có biện pháp bảo đảm số công chứng 023124, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn vay là 01 năm.

Ngày 03/01/2017 bà A và bà T cùng vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ngày 04/5/2018 bà T vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ngày 09/12/2018 bà T vay 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng.

Tất cả các khoản vay từ ngày 03/01/2017 đến ngày 09/12/2018 các bên đều thỏa thuận miệng thời hạn vay là 05 tháng, nhưng bà T chỉ trả được 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng; đến ngày 09/12/2018 bà T vay thêm khoản tiền trên và hứa sẽ trả dứt điểm số tiền nợ 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 09/12/2018. Tuy nhiên, hết thời hạn vay nguyên đơn nhiều lần đòi nhưng các bị đơn không thực hiện việc trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, trong đó bà A có nghĩa vụ trả 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng và bà T có nghĩa vụ trả 355.000.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị A - bà Đỗ Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai ngày 03/9/2019:*

Bà và mẹ bà là bà Nguyễn Thị A có vay của bà Trương Thúy K là cháu của bà Lâm Lệ P số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng. Trong đó 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng các bên có lập hợp đồng vay tiền, số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng còn lại được viết thêm vào bên dưới của hợp đồng, tuy trong hợp đồng vay ghi là không lãi suất nhưng thực tế các bên có thỏa thuận với mức lãi suất 6%/tháng, năm 2018 bà vay thêm tiền thì mức lãi

suất được tính là 15%/tháng. Bên cạnh việc trả lãi của khoản vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, tính đến năm 2019 bà đã trả gốc cho bà K 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng. Số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng nguyên đơn kiện là do bà K đưa lại cho bà. Nay vì điều kiện khó khăn bà xin được trả dần 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trần Vĩ C cùng có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về người tham gia tố tụng:*

Người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày mẹ con bà vay tiền của bà K nhưng mặc khác bà T cũng thừa nhận số tiền nguyên đơn kiện do bà K đưa lại. Đồng thời, bà K xác định không có quan hệ vay mượn tiền cũng như việc nhận và giao tiền với các bị đơn nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết đưa

bà K tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

*[2] Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền không lãi suất và không có biện pháp bảo đảm số công chứng 023124, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2016 được ký giữa nguyên đơn bà Lâm Lệ P và bị đơn bà Nguyễn Thị A cùng lời trình bày của nguyên đơn thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay 01 năm.

Sau khi ký hợp đồng thì phát sinh thêm các khoản vay được các bị đơn bà Nguyễn Thị A và bà Đỗ Thị Thanh T xác nhận ở phần cuối của hợp đồng nêu trên. Tổng số tiền vay từ ngày 03/01/2017 đến ngày 09/12/2018 là 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu) đồng, trong đó có khoản vay chung của bà A và bà T là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, số tiền còn lại 410.000.000 (bốn trăm mười triệu) đồng là của bà T vay. Theo nguyên đơn dù các khoản vay này đều thỏa thuận thời hạn là 05 tháng nhưng từ khi vay đến nay bà T chỉ trả được 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, sau khi cho bà T vay thêm khoản vay cuối các bên thống nhất sẽ trả dứt điểm số tiền nợ tổng cộng là 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng trong thời hạn 05 tháng kể từ ngày 09/12/2018 nhưng các bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 03/9/2019 bị đơn bà T thừa nhận bà và mẹ bà là bà A có vay của bà Trương Thúy K số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và có ký vào Hợp đồng vay nêu trên, bà xác định số tiền nguyên đơn kiện là do bà K đưa lại cho bà. Từ khi vay đến năm 2019 bà đã trả gốc cho nguyên đơn tổng cộng 136.000.000 (một trăm ba mươi sáu triệu) đồng và trả lãi 6%/tháng đối với khoản vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng nhưng nay vì điều kiện khó khăn nên bà xin được trả dần. Đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện bổ sung là 130.000.00 (một trăm ba mươi triệu) đồng, Tòa không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Xét, việc bà T xác định bà và mẹ bà có ký vào hợp đồng vay trên và ghi thêm số tiền vay bên dưới hợp đồng nhưng lại cho rằng mẹ con bà vay tiền của bà K là không có cơ sở vì căn cứ vào hợp đồng đã ký giữa các bên cũng như xác nhận các khoản vay phát sinh ở phần cuối hợp đồng không có nội dung nào thể hiện liên quan đến việc các bị đơn vay tiền của bà K; đồng thời tại bản tự khai ngày 24/02/2020 bà K cũng khẳng định bà không cho các bị đơn vay, việc vay tiền giữa mẹ con bà T với dì bà là bà Lâm Lệ P do các bên trực tiếp giao nhận tiền, bà không liên quan đến việc vay mượn giữa các bên. Về số tiền gốc và lãi đã trả bị đơn khai không được nguyên đơn thừa nhận cũng như việc xin trả dần của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh việc trả tiền nhưng bị đơn vẫn không cung cấp cho Tòa tài liệu, chứng cứ để xem xét. Xét thấy, nghĩa vụ chứng minh việc trả tiền là của bị đơn nhưng các bị đơn không chứng minh được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ xét xử vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định các bị đơn vay của nguyên đơn nhiều đợt, tổng số tiền vay là 760.000.000 (bảy trăm sáu mươi triệu) đồng, đến nay bị đơn bà T chỉ trả được 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, hiện các bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng; trong đó bà A nợ 325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng và bà T nợ 355.000.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Về phía các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Do đó, căn cứ vào các điều 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ nêu trên cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể:

Mỗi bị đơn phải chịu 5% án phí của số tiền bị đơn có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.750.000 (mười bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị A và bà Đỗ Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 680.000.000 (sáu trăm tám mươi triệu) đồng theo Hợp đồng vay tiền không lãi suất và không có biện pháp bảo đảm số công chứng 023124, quyền số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/12/2016 và các khoản vay của các ngày 03/01/2017, 04/5/2018 và ngày 09/12/2018. Trong đó bà A có nghĩa vụ trả

325.000.000 (ba trăm hai mươi lăm triệu) đồng và bà T có nghĩa vụ trả 355.000.000 (ba trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Thời hạn trả nợ: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.250.000 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.750.000 (mười bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0001181, AA/2019/0001182 cùng ngày 22/7/2019 và AA/2019/0001647 ngày 20/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3 . Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Trần Thúy Duyên**